

GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG RỪNG ĐẶC DỤNG TẠI VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ, HÀ NỘI

Nguyễn Thị Xuân Hương¹, Hoàng Thị Kim Oanh²

¹TS. Trường Đại học Lâm nghiệp

²CN. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá thực trạng đồng quản lý rừng, cơ chế hưởng lợi giữa các bên trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng ở vườn quốc gia (VQG) Ba Vì. Kết quả nghiên cứu cho thấy ngoài ban quản lý rừng đặc dụng, đối tác quan trọng trong đồng quản lý rừng ở VQG Ba Vì là các công ty du lịch và người dân địa phương. Các hoạt động đồng quản lý chủ yếu là nhận khoán bảo vệ và trồng mới bổ sung thông qua các chương trình dự án. Hiện chưa có cơ chế hưởng lợi được xây dựng riêng cho các đối tác tham gia quản lý đã làm hạn chế sự tham gia của các đối tác này trong quản lý rừng ở VQG Ba Vì. Thông qua phân tích nhân tố khám phá (EFA) 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân với chính sách hưởng lợi trong tham gia quản lý bảo vệ rừng ở VQG Ba Vì gồm: thủ tục khoán (TTK), chính sách hưởng lợi (CSHL), mức độ được tham gia xây dựng chính sách (XDSC) và mức độ được giải đáp khiếu nại (GĐKN). Trên cơ sở phát hiện những nhân tố này, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp có căn cứ khoa học nhằm hoàn thiện hơn cơ chế hưởng lợi trong quản lý, bảo vệ rừng ở VQG Ba Vì, Hà Nội.

Từ khoá: Đồng quản lý, lợi ích, phân tích nhân tố khám phá (EFA), vườn quốc gia

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng quản lý rừng đang được xem là một cách tiếp cận mới có triển vọng đối với vấn đề quản lý, bảo vệ đặc biệt với các khu rừng đặc dụng do phương pháp này tính đến lợi ích và trách nhiệm của các bên liên quan trong quản lý rừng.

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về đồng quản lý, tuy nhiên các khái niệm đều thể hiện bản chất của đồng quản lý là một quá trình hợp tác giữa các bên liên quan trong quản lý và sử dụng tài nguyên, trong đó các bên cùng nhau hiệp thương xác định sự đóng góp và hưởng lợi của mỗi đối tác (Dẫn theo Trần Ngọc Lân, 1999).

Đồng quản lý rừng là một cách thức quản lý có nhiều triển vọng và tương đối phù hợp với việc quản lý các khu rừng đặc dụng ở Việt Nam do quá trình quản lý và sử dụng rừng đặc dụng liên quan đến nhiều đối tượng và chủ thể khác nhau. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải mô hình đồng quản lý rừng nào cũng mang lại hiệu quả như mong đợi. Hiệu quả đồng quản lý phụ thuộc nhiều vào sự phù hợp của cơ chế hưởng lợi các bên tham gia. Ở mỗi

VQG, do những đặc thù khác biệt về tài nguyên, về điều kiện kinh tế xã hội mà việc xây dựng cơ chế hưởng lợi cũng rất khác nhau.

Nghiên cứu này tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyền lợi của người nhận khoán, mức độ hài lòng với chế độ hưởng lợi của họ nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế hưởng lợi trong nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng ở VQG Ba Vì.

II. GIỚI THIỆU ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Vườn quốc gia Ba Vì - Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 17-CT ngày 16/01/1991 của Chủ tịch hội đồng bộ trưởng (Nay là Chính Phủ). Ngày 18/12/1991, được đổi tên thành VQG Ba Vì theo quyết số 407-CT của Hội đồng bộ trưởng và giao Bộ Lâm nghiệp quản lý (nay là Bộ NN&PTNT).

Vườn nằm trên địa bàn huyện Ba Vì và một phần thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng diện tích tự nhiên của Vườn là 10782,7 ha (2008), Trong đó:

- Rừng tự nhiên 4.200,5ha, chiếm 51,27% diện tích có rừng.

- Rừng trồng 3.992 ha , chiếm 48,73% diện tích có rừng.

VQG Ba Vì là nơi bảo tồn nhiều loài động thực vật quý hiếm, có những loại đặc hữu riêng có ở Bà Vì. Theo kết quả điều tra, hệ thực vật bậc cao của Vườn có 160 họ, 649 chi, 1.201 loài. Các loài gỗ quý hiếm có 36 loài điển hình là Bách Xanh, Thông tre, Sến mật, Giổi lá bạc, Phi ba mũi...trong đó một số loài thực vật đặc hữu mang tên Ba Vì

Hệ động vật có xương sống ở VQG Ba vì thống kê được 342 loài, Trong đó có 3 loài đặc hữu và có 66 loài động vật quý hiếm. Nhóm động vật quý hiếm ở VQG Ba Vì có 66 loài, phần lớn là loài động vật nhỏ và trung bình. Các loài quý hiếm như Cây vằn, Cây mực, Cây gấm, Beo lửa, Sơn dương, Sóc bay, Gà lui trắng...trong đó có một số loài là loài đặc hữu ở Ba Vì.

VQG Ba Vì không chỉ là nơi nuôi dưỡng, bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học mà Vườn còn được mệnh danh là "lá phổi xanh của Thủ đô", là nơi điều hoà khí hậu, nguồn nước quan trọng của Thủ đô. VQG Ba Vì đồng thời cũng là một địa chỉ du lịch sinh thái và giáo dục môi trường quen thuộc của người dân Thủ đô và các vùng lân cận. Với các ý nghĩa to lớn đó, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng ngày càng trở nên có ý nghĩa và thiết yếu.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đánh giá thực trạng công tác đồng quản lý,

thực trạng cơ chế chia sẻ lợi ích ở VQG Ba Vì được thực hiện thông qua các công cụ thống kê truyền thống (thống kê mô tả, so sánh) với các số liệu thứ cấp thu thập được từ BQL VQG Ba Vì, các tài liệu công bố các công trình có liên quan.

Đề tài sử dụng phương pháp điều tra mẫu để điều tra các hộ dân tham gia nhận khoán quản lý, bảo vệ với VQG Ba Vì với số 53 hộ gia đình ở 4/16 xã trên địa bàn nghiên cứu. Số liệu điều tra chủ yếu về thực tế hưởng lợi trong nhận khoán quản lý bảo vệ rừng, các ý kiến đóng góp của người dân về cơ chế hưởng lợi và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân với cơ chế hưởng lợi hiện có ở VQG Ba Vì.

Số liệu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân với cơ chế hưởng lợi hiện có được phân tích thông qua mô hình nhân tố khám phá (EFA)

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Thực trạng đồng quản lý rừng ở VQG Ba Vì

4.1.1. Công tác giao khoán rừng

Hoạt động đồng quản lý rừng ở VQG Ba Vì chủ yếu được thực hiện thông qua việc khoán quản lý bảo vệ rừng. Hiện diện tích giao khoán trong phân khu phục hồi sinh thái đạt trên 84% (tổng diện tích phân khu phục hồi sinh thái 8067.6 ha)(bảng 1)

Bảng 1. Tình hình giao khoán đất rừng VQG Ba Vì

TT	Đối tượng giao khoán	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Số hộ nhận khoán
1	CB- CNV vườn	1075.4	16.05	16
2	Các hộ vùng đệm	1925.3	28.73	54
3	Các hộ ngoài vùng đệm	2958	44.14	48
4	Các công ty thuê MTR làm DLST	743.4	11.09	6
Tổng		6702.1	100	

Qua bảng số liệu này cho thấy công tác khoán bảo vệ rừng ở VQG Ba vì đã được thực hiện khá tốt. Đa số trong các đối tượng nhận khoán là các hộ gia đình người dân địa

Nguồn: Hạt kiểm lâm VQG Ba Vì, 2010
phương. Tổng số hộ nhận khoán bao gồm cả cán bộ công nhân viên VQG là 118 hộ. Mặc dù đây là một số lượng không lớn các hộ gia đình trên địa bàn tham gia nhận khoán, tuy nhiên tỷ

lệ diện tích đã được giao khoán là một con số không nhỏ. Điều này cho thấy VQG đã rất chú trọng công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng và đất rừng.

4.1.2. Công tác cho thuê môi trường rừng

Từ năm 2002, VQG Ba Vì được Thủ tướng

Chính Phủ phê duyệt đề án " thí điểm sử dụng môi trường rừng đặc dụng để phát triển du lịch sinh thái và giáo dục hướng nghiệp" . Đến nay, đã có 6 công ty thực hiện thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái (bảng 2). Tổng diện tích tự nhiên mà các công ty du lịch nhận khoán bảo vệ là 743,4ha.

Bảng 2. Tình hình giao khoán đất rừng cho các công ty du lịch - VQG Ba Vì

TT	Công ty du lịch	Tổng diện tích (ha)	Phân theo loại rừng		
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất trồng
1	Công ty DL Ao Vua	107.5	0	107.5	0
2	Công ty DL Khoang Xanh- Suối Tiên	111.2	52.6	35.2	23.4
3	Công ty DL Suối mơ	147.4	0	5	142.4
4	Công ty DL Thác Đa	71	45.1	20.1	5.8
5	Công ty DL Thiên Sơn- Thác Ngà	252	91.7	108.4	51.9
6	Công ty DLHồ Tiên Sa	54.3	0	54.3	0
Tổng		743.4	189.4	330.5	223.5

Nguồn: VQG Ba Vì, 2012

Trong 6 công ty có nhận khoán bảo vệ rừng với chính quyền địa phương, hiện mới có 2 công ty: Công ty du lịch Thiên Sơn- Thác Ngà và công ty du lịch Thác Đa đã ký hợp đồng thuê môi trường rừng làm du lịch sinh thái với VQG Ba Vì.

Đánh giá hiệu quả hoạt động du lịch sinh thái (DLST) tại VQG Ba Vì cho thấy thông qua phát triển DLST, đã thu hút được sự tham gia của nhiều người dân địa phương. Hoạt động DLST một mặt giúp nâng cao thu nhập cho người dân, đồng thời cũng góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về ý nghĩa và giá trị của rừng, hiểu được những ảnh hưởng của

nguồn tài nguyên này đến đời sống của họ, qua đó góp phần nâng cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường.

4.2. Quyền hưởng lợi của người dân và cộng đồng trong công tác quản lý bảo vệ rừng ở VQG Ba Vì

4.2.1. Quyền lợi của cộng đồng địa phương

Nghiên cứu này tiến hành điều tra việc tham gia quản lý rừng đặc dụng VQG Ba Vì của cộng đồng người dân các xã vùng đệm. Nghiên cứu chọn 4 xã thuộc huyện Ba Vì (Xã Vân Hoà, Tân Lĩnh, Khánh Thượng và Yên Bài) để điều tra theo hình thức điều tra bằng bảng hỏi. Kết quả điều tra ở 4 xã thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Tình hình tham gia quản lý rừng VQG Ba Vì của cộng đồng

TT	Địa phương	Các hoạt động tham gia		
		Nhận khoán bảo vệ (ha)	Khoanh nuôi tái sinh (ha)	Trồng mới(ha)
1	Xã Tân Lĩnh	36.2	0	135.9
2	Xã Vân Hoà	228.3	0	558,2
3	Xã Khánh Thượng	308.1	205	670.9
4	Xã Yên Bài	113.7	250	555
Tổng		686.3	455	1361.8

Nguồn: Kết quả điều tra

Qua điều tra những người có trách nhiệm của cộng đồng (các chủ tịch xã) cho thấy cộng đồng người dân ở các xã vùng đệm VQG Ba Vì đều chưa được công nhận là chủ thể hợp pháp trong quản lý, sử dụng rừng. Các xã này đều được giao đất từ năm 1991. Trong các xã điều tra, xã Khánh Thượng có diện tích đất giao cho cộng đồng quản lý là lớn nhất với hơn 1500 ha. Mặc dù được giao từ năm 1999, tuy nhiên hầu hết các diện tích này không được cấp sổ đỏ, nhiều diện tích đã bị lấn chiếm, không được phân định ranh giới rõ ràng trên thực địa nên việc quản lý và sử dụng còn nhiều hạn chế.

Ngoài ra, cộng đồng địa phương các xã cũng tham gia các hoạt động trồng, chăm sóc và khoanh nuôi tái sinh rừng. Trong các hoạt động trên, cộng đồng địa phương tham gia nhiều nhất là các hoạt động nhận khoán bảo vệ rừng.

Theo điều tra, hầu hết các hộ gia đình nhận khoán cho biết ngoài tiền công bảo vệ hoặc trồng mới rừng, họ không được phép trồng xen canh cây hoa màu hay hái lượm lâm sản phụ trong rừng. Trường hợp có cây gãy chết, cây đổ, thủ tục khai thác cũng rất khó khăn nên hầu như người dân không mặn mà.

Là một khu vực có nhiều tiềm năng phát triển du lịch. Hiện các hoạt động du lịch của

khu vực được các công ty thuê môi trường tự đầu tư, tổ chức quản lý. Những người dân sống trong khu vực hầu hết không được trực tiếp hưởng lợi từ các dịch vụ này.

Như vậy có thể thấy mặc dù hoạt động đồng quản lý đã diễn ra ở Vườn, song chưa có cơ chế hưởng lợi nào rõ ràng được xây dựng trên quan điểm thoả hiệp giữa VQG và những đối tượng có liên quan. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công tác đồng quản lý rừng ở đây.

4.2.2. Quyền lợi của người dân

Các quyền lợi mà người dân được hưởng khi tham gia nhận khoán quản lý bảo vệ rừng ở VQG Ba Vì gồm tiền nhận khoán, được thu lượng lâm sản phụ, khai thác cây gãy đổ, tre nứa và tạo điều kiện tham gia các hoạt động du lịch. Theo kết quả điều tra, hiện người dân chỉ được hưởng tiền công khoán với mức 100 ngàn đồng/ha/năm. Số tiền này thậm chí không được trả đều hàng năm do nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước được cấp không đều. Trong quá trình nhận khoán, các hộ nhận khoán hầu như không được phép khai thác lâm sản phụ hoặc cây gãy đổ. Việc trồng xen cây nông nghiệp khó thực hiện do rừng hầu hết đã khép tán. Do vậy, các nguồn thu từ rừng nhận khoán là vô cùng hạn chế.

Bảng 4. Lợi ích của người dân khi tham gia quản lý bảo vệ rừng ở VQG Ba Vì

Lợi ích	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Nhận tiền khoán bảo vệ	53	100
Nhận tiền trồng bổ sung	23	43.4
Vào rừng lấy củi đun	4	7.55
Lấy lâm sản phụ bán	6	11.32
Lấy cây thuốc	6	11.32
Tham gia hđ du lịch	1	1.89
Trồng xen cây nông nghiệp	3	5.66
Khai thác cây đổ, gãy	4	7.55

Nguồn: số liệu điều tra, 2012

Như vậy có thể thấy quyền lợi người dân được hưởng khi tham gia bảo vệ phát triển rừng ở VQG không nhiều và quan trọng hơn là hiện chưa có những quy định chính thức về các quyền lợi được hưởng của người nhận khoán.

Các hoạt động vào rừng lấy cây thuốc, củi đun và tham gia các hoạt động du lịch...chưa được quy định đối tượng hưởng lợi cụ thể. Các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm cho hộ gia đình nhận khoán hầu như chưa được triển khai.

4.3. Yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân với cơ chế hưởng lợi trong đồng quản lý rừng ở VQG Ba Vì

Việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân với chính sách hưởng lợi của người dân được phân tích và xác định dựa vào phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA). Các bước xây dựng và điều tra, kiểm định tuân theo yêu cầu của phương pháp.

4.3.1. Xây dựng thang đo

Việc lựa chọn khảo sát các yếu tố ảnh hưởng (thang đo) đến mức độ hài lòng của người dân được thực hiện thông qua phỏng vấn chuyên gia và các nghiên cứu có liên quan. Trong nghiên cứu này, các yếu tố ảnh hưởng được xác định gồm 17 yếu tố, phân thành 5 nhóm (bảng 5)

Bảng 5. Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân với của người dân với chính sách hưởng lợi ở VQG Ba Vì

(5: rất hài lòng; 4: hài lòng; 3: Không ý kiến; 2: hài lòng một phần; 1: Hoàn toàn không hài lòng)

TT	Chi tiêu	Mức độ đánh giá				
		5	4	3	2	1
I	Chính sách hưởng lợi (CSHL)					
1	Tiền nhận khoán bảo vệ/ tái sinh rừng phù hợp (CSHL1)					
2	Được tham gia khai thác lâm sản phụ (CSHL2)					
3	Được trồng cây nông nghiệp ngắn ngày (CSHL3)					
4	Được ưu tiên tham gia làm du lịch (CSHL4)					
II	Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật (CTTT)					
1	Được phổ biến kiến thức pháp luật của Nhà nước có liên quan (CTTT1)					
2	Được tập huấn chương trình khuyến lâm (CTTT2)					
3	Được phổ biến các kiến thức khuyến nông khuyến lâm (CTTT3)					
4	Được phổ biến và giải thích về chính sách hưởng lợi của VQG (CTTT4)					
III	Thủ tục giao nhận khoán dễ dàng (TTK)					
1	Thủ tục giao nhận khoán dễ dàng (TTK1)					
2	Thủ tục nhận tiền khoán dễ dàng, đúng hạn (TTK2)					
3	Diện tích giao khoán được xác định rõ ràng (TTK3)					
IV	Tham gia xây dựng chính sách hưởng lợi (XHCS)					
1	Được tham gia xây dựng chính sách hưởng lợi (XHCS1)					
2	Được tham gia lựa chọn hộ nhận khoán (XHCS2)					
3	Được tham gia kiểm tra, giám sát tình hình nhận khoán (XHCS3)					
V	Giải đáp khiếu nại, thắc mắc (GĐKN)					
1	Được giải đáp vướng mắc trong nhận khoán (GĐKN1)					
2	Được đền bù khi thu hồi diện tích được giao khoán (GĐKN2)					
3	Được giải quyết tranh chấp đất đai (GĐKN3)					
VI	Mức độ hài lòng chung (SAT)					
1	Hài lòng với chính sách hưởng lợi (SAT1)					
2	Hài lòng với quyền lợi được cung cấp thông tin (SAT2)					
3	Hài lòng với quyền được đền bù, giải đáp thắc mắc (SAT3)					

4.3.2. Kết quả chạy mô hình

Kết quả kiểm định chất lượng thang đo cho thấy cả 6 nhân tố đều có trị số Cronbach Alpha lớn hơn 0.6, cho thấy thang đo có chất lượng

tốt và phù hợp với phân tích nhân tố khám phá.

Để kiểm tra quan hệ các biến trong mô hình, kiểm định KMO được tiến hành. và Kết quả $0.5 < KMO = 0.743 < 1$ và giá trị phương

sai trích (Cumulative %) 66.85, cho thấy 66.85% sự thay đổi của nhân tố đại diện được giải thích bởi các nhân tố phân tích.

Kết quả sắp xếp lại nhân tố bằng ma trận nhân tố xoay với 5 nhân tố ban đầu được sắp xếp lại thành 4 nhân tố.

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhóm nhân tố này đến mức độ hài lòng chung của người được điều tra, phân tích hồi quy được tiến hành trên cơ sở tính lại giá trị các yếu tố bằng cách tính điểm yếu tố, kết quả Bảng 6.

Bảng 6. Kết quả hồi quy

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95,0% Confidence Interval for B		Correlations		Collinearity Statistics		
	B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound	Zero-order	Partial Part	Tolerance	VIF	
1 (Constant)	4,716E-17	,070		,000	1,000	-,142	,142					
TTK	,452	,071	,452	6,357	,000	,309	,595	,452	,676	,452	1,000	1,000
CSHL	,350	,071	,350	4,926	,000	,207	,493	,350	,579	,350	1,000	1,000
XDCS	,338	,071	,338	4,759	,000	,195	,481	,338	,566	,338	1,000	1,000
GĐKN	,562	,071	,562	7,900	,000	,419	,705	,562	,752	,562	1,000	1,000

a. Dependent Variable: SAT

Dựa vào kết quả hồi quy, ta có mô hình hồi quy đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến mức hài lòng của người dân với chính sách hưởng lợi ở VQG Ba Vì như sau:

$$SAT = 0.452* TTK + 0.350*CSHL + 0,338*XDCS + 0,562*GĐKN + 4.716E^{-17}$$

Kết quả hồi quy với $R^2 = 0.757$ ở mức ý nghĩa 99% cho thấy sự thay đổi của mức hài lòng với chính sách hưởng lợi của người dân ở VQG Ba Vì được giải thích bởi 4 nhóm nhân tố trên.

4.4. Một số giải pháp đề xuất trong xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích ở VQG Ba Vì

Từ các kết quả phân tích thực trạng và nhu cầu của người dân trong chia sẻ lợi ích ở VQG Ba Vì, nghiên cứu đề xuất một số định hướng trong xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích, gồm:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò và quyền lợi của người dân và cộng đồng trong quản lý và bảo vệ rừng ở VQG;
- Phối hợp tốt với chính quyền địa phương để thành lập hội đồng quản lý;
- Cần xây dựng cơ chế giám sát việc thực thi quản lý, phát triển rừng của các đối tác;

- Làm tốt công tác quy hoạch, cắm mốc giới và thủ tục giao khoán rừng.

- Nguồn thu từ hoạt động du lịch sinh thái cần trích lại một phần cho địa phương hoặc hội đồng quản lý để làm kinh phí duy trì hoạt động.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy cơ chế đồng quản lý ở VQG Ba Vì có ý nghĩa quan trọng trong công tác bảo vệ và phát triển rừng ở đây. Các kết quả chính nghiên cứu rút ra gồm:

- Người dân đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý, bảo vệ ở VQG Ba Vì .
- Các công ty du lịch đang ngày càng phát huy vai trò tích cực trong khai thác tận dụng tài nguyên và bảo vệ, giáo dục môi trường rừng ở VQG Ba Vì.
- Quyền lợi và nghĩa vụ của người dân nhận khoán chưa được công nhận, xác lập và giám sát đầy đủ, do đó đã hạn chế khả năng và hiệu quả của đồng quản lý rừng.
- Chính quyền địa phương hiện không có nhiều vai trò trong quản lý, chỉ đạo hay tham gia trực tiếp vào quản lý rừng ở VQG Ba Vì; Chưa có cơ chế phối hợp giữa chính quyền địa phương và BQLVQG trong giao khoán, quản lý

bảo vệ rừng, đặc biệt là các hoạt động du lịch

- Sự tham gia ý kiến của người dân vào các quyết định quản lý là rất quan trọng, tuy nhiên thực tế công tác này hầu như chưa được thực hiện ở VQG Ba Vì.

Đồng quản lý rừng là một phương thức quản lý phù hợp với điều kiện của nhiều VQG, trong đó có VQG Ba Vì. Tuy nhiên, để mô hình này thành công thì việc xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích hiệu quả là một nhiệm vụ trọng tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo hoạt động năm 2010, VQG Ba Vì

2. Chi cục kiểm lâm VQG Ba Vì. Báo cáo hiệu quả kinh tế xã hội thực hiện đề án thí điểm thuê môi trường rừng đặc dụng để phát triển DLST kết hợp bảo vệ và PTR năm 2010.

3. Nguyễn Bá Ngãi (2009), “Quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam: Thực trạng, vấn đề và giải pháp”, Báo cáo nghiên cứu, Kỳ yếu hội thảo quốc gia về quản lý rừng cộng đồng, Hà Nội

4. Trần Ngọc Liên (1999), Phát triển bền vững vùng đệm khu bảo tồn và Vườn quốc gia, NXB Nông nghiệp, Hà Nội

5. Võ Mai Anh (2012). “Nghiên cứu mô hình đồng quản lý rừng đặc dụng ở Việt Nam”. Báo cáo tổng kết nghiên cứu, Hà Nội.

SOLUTIONS FOR IMPROVING MANAGEMENT AND BENEFIT SHARING MACHANISM IN SPECIAL-USE FOREST MANAGEMENT AND USE IN BA VI NATIONAL PARK - HANOI

Nguyen Thi Xuan Huong, Hoang Thi Kim Oanh

SUMMARY

Research and current status assessment of forest co-management and benefit sharing mechanism between parties in Ba Vi National Park in order to propose solutions and improve the benefit mechanism in the forest management and protection in here. The research results have shown that the partners participated in co-management include the National Park Management Board, the ecological environmental service units, communities in buffer zone and local households. The co-management activities are mainly protection and planting contracts through projects. The total area has been protected by other partners in Ba Vi National Park reaches over 80% of the ecological restoration zones. Currently, there is no benefit sharing mechanism privately built for managing partners in Ba Vi National Park. However, there are many policy documents of the State have been issued related to this problem. Based on exploratory factor analysis (EFA), this study detected 4 group factors affecting the satisfaction level of the people to benefit sharing mechanism in Ba Vi National Park including: allocation contract procedures, benefit policies, policy making participation and answered complaint levels. Based on the findings, research has come up with some scientific solutions for completing and improving mechanism of benefit sharing in the forest management and protection in Ba Vi National Park.

Keywords: *Benefit sharing mechanism, exproatory factor analysis (EFA), forest co-management*

Người phản biện: PGS.TS. Phùng Văn Khoa

Ngày nhận bài: 09/11/2013

Ngày phản biện: 20/01/2014

Ngày quyết định đăng: 07/3/2014